YSstrategy

Báo cáo chiến lược tháng 2/2023

Thị trường chưa thuận lợi để mở rộng danh mục dài hạn

Mở tài khoản
liền tay

www.yuanta.com.vn

Cập nhật vĩ mô

1. FDI vẫn chậm như kỳ vọng
2. Xuất nhập khẩu tiếp tục yếu - kỳ vọng tích cực từ Q2/2023
3. Lạm phát tăng trong dịp Tết Nguyên đán
4. Sản xuất suy giảm nhưng có một số tín hiệu tích cực
5. Tổng mức bán lẻ duy trì mạnh mẽ, động lực mới cho du lịch
6. Nhu cầu vàng tăng – Tỷ giá hạ nhiệt
7. Mặt bằng lãi suất giảm nhẹ - Rủi ro vĩ mô tiếp tục hạ nhiệt

Triển vọng thị trường

1. Diễn biến thị trường tháng 1/2023
2. Giao dịch khối ngoại tháng 1/2023
3. Triển vọng TTCK tháng 2/2023
4. Hiệu quả khuyến nghị đầu tư của YSVN

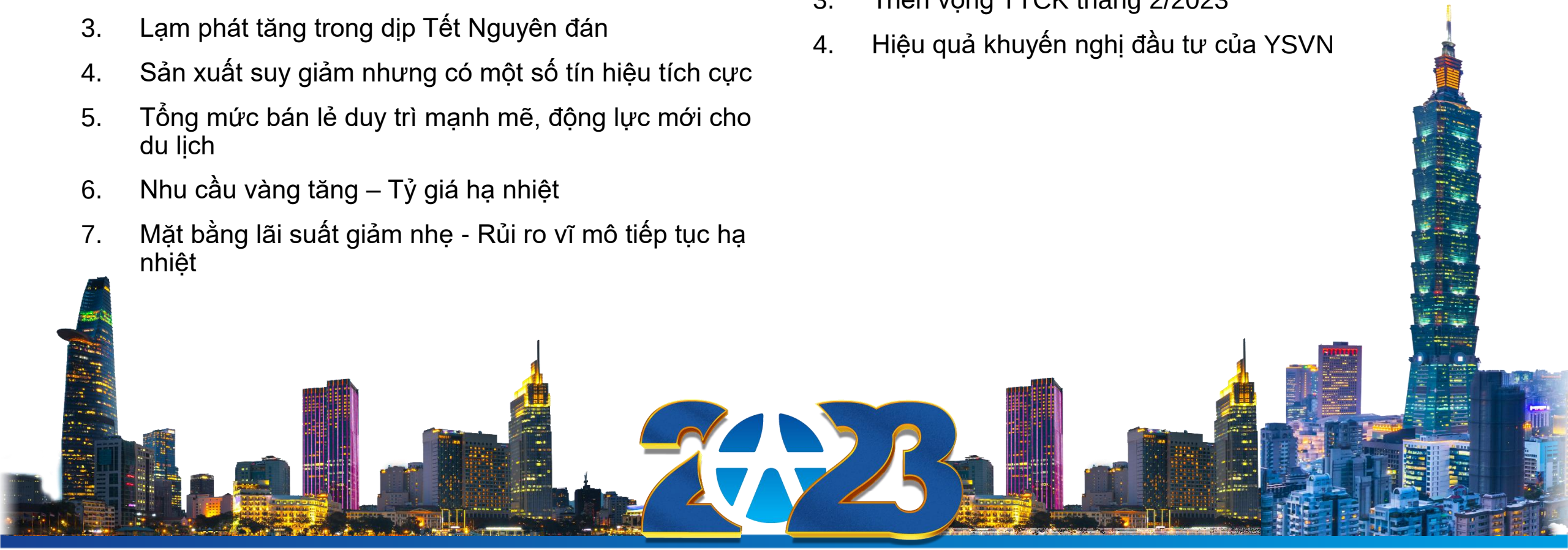

CẬP NHẬT VĨ MÔ

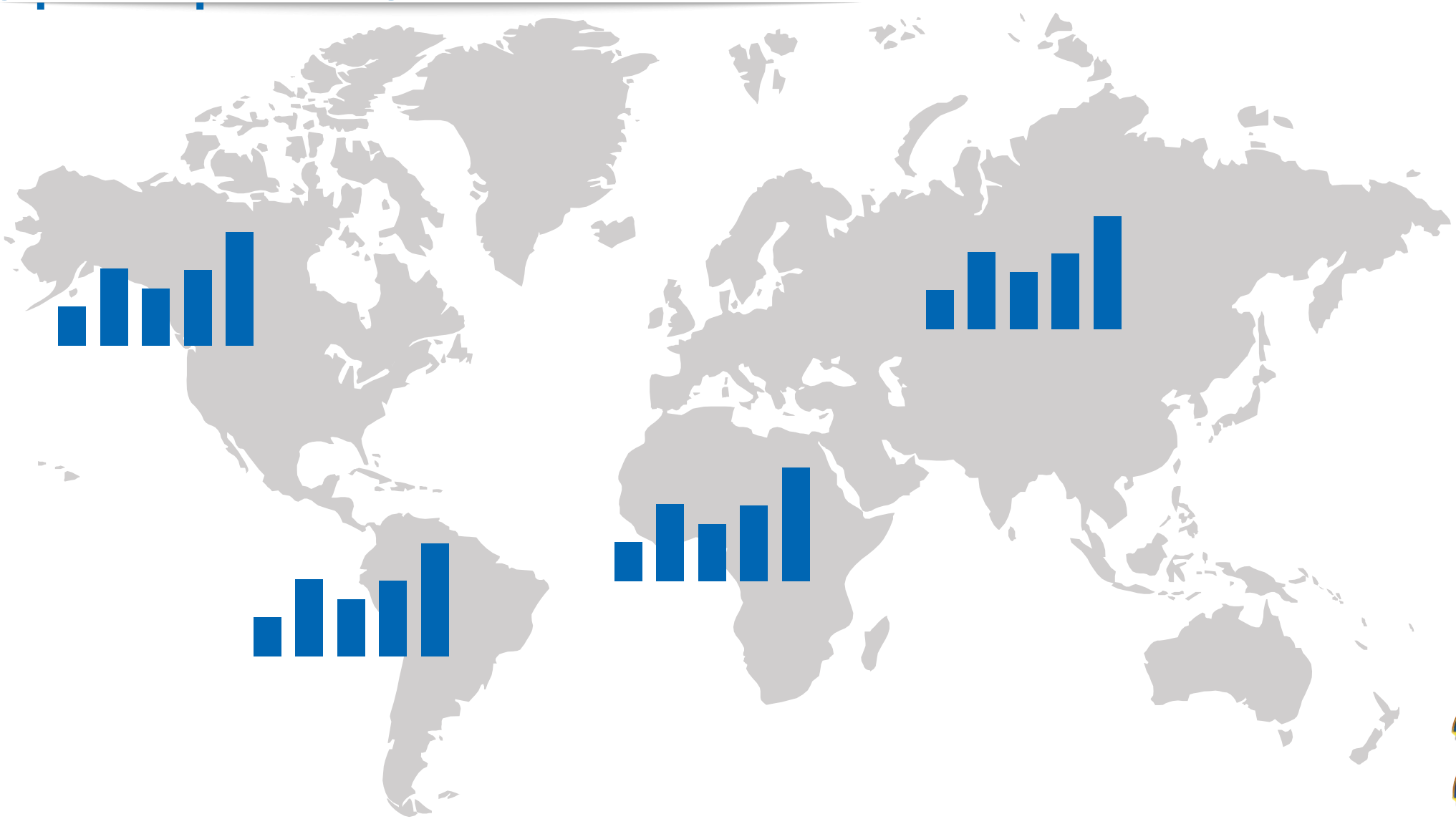

1. FDI vẫn chậm như kỳ vọng

- **Tổng vốn FDI đăng ký tính từ đầu năm tới 20/01/2023 đạt 1.69 tỷ USD, giảm 19.8% YoY**. Trong đó, có 153 dự án được cấp phép mới (+48.5% YoY), với số vốn đăng ký đạt 1.20 tỷ USD (+210.3% YoY); có 89 dự án đăng ký điều chỉnh vốn (+25.4% YoY) với số vốn tăng thêm 0.31 tỷ USD (-75.9% YoY). Vốn góp mua cổ phần đạt 0.17 tỷ USD (-60.7% YoY).
- **Vốn giải ngân tính từ đầu năm tới 20/01/2023 đạt 1.35 tỷ USD, giảm 16.3% YoY**.
- **Vốn FDI tiếp tục suy yếu trong tháng 1/2023, cả tổng vốn đăng ký và vốn giải ngân.** Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy tín hiệu tích cực là vốn đăng ký cấp mới đạt 1.2 tỷ USD, tăng mạnh 210% YoY mặc dù tổng vốn FDI đăng ký giảm là do các dự án FDI hiện tại ít đăng ký điều chỉnh tăng thêm vốn. **Chúng tôi cũng lưu ý số dự án mới và vốn đăng ký mới/dự án vẫn tăng mạnh nhưng do không có dự án lớn nên khiến tổng vốn FDI tiếp tục suy yếu.** Chúng tôi vẫn cho rằng các doanh nghiệp nước ngoài lớn với các dự án lớn vẫn đang thận trọng quan sát trước các rủi ro vĩ mô và rủi ro suy thoái kinh tế. Theo đó, dòng vốn FDI nhiều khả năng chưa thể tăng mạnh trở lại trong Q1/2023. **Tuy nhiên, chúng tôi vẫn giữ quan điểm tích cực cho dòng vốn FDI trong trung hạn và dài hạn khi các rủi ro vĩ mô dần đi qua, có thể trong nửa cuối năm 2023.**

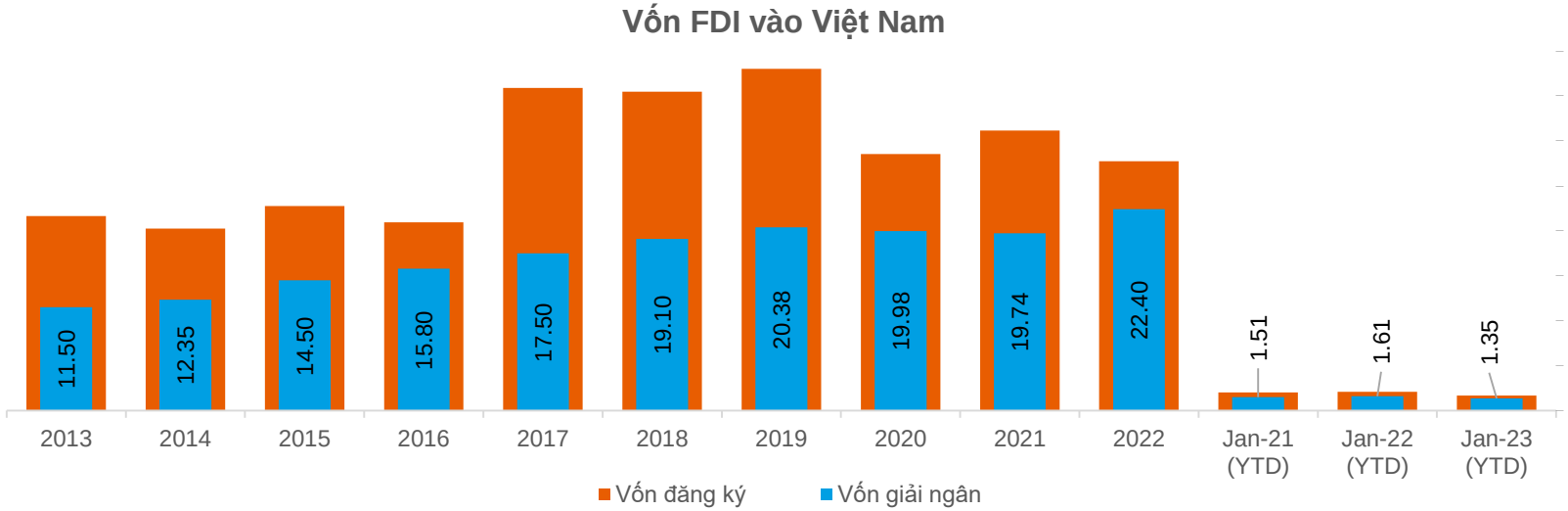

Nguồn: GSO, Yuanta Việt Nam

2. Xuất nhập khẩu tiếp tục yếu - kỳ vọng tích cực từ Q2/2023

- **Kim ngạch XNK T1/2023 đạt 46.56 tỷ USD, giảm 25.0% YoY, giảm 17.3% MoM**. Trong đó, xuất khẩu đạt 25.08 tỷ USD, giảm 21.3% YoY, giảm 13.6% MoM; nhập khẩu đạt 21.48 tỷ USD, giảm 28.9% YoY, giảm 21.3% MoM. Tình hình xuất nhập khẩu tháng 1 tiếp tục suy giảm so với cùng kỳ, một phần là do XNK cùng kỳ tháng 1/2022 tăng rất mạnh sau giãn cách. Cán cân thương mại tháng 1 xuất siêu 3.6 tỷ USD, tăng 119.9% YoY. Trong đó, khối FDI xuất siêu 4.64 tỷ USD; khối DN trong nước nhập siêu 1.04 tỷ USD.
- Tình hình xuất nhập khẩu tháng 1/2023 tiếp tục nối dài đà suy yếu từ tháng 9/2022 do nhu cầu yếu tại các nước đối tác do lạm phát và lãi suất tăng nhanh làm giảm nhu cầu. **Chúng tôi cho rằng có thể kỳ vọng kỳ vọng xuất nhập khẩu sẽ tích cực hơn từ Q2/2023** nhờ: 1) lạm phát tại các nước đang giảm từ đỉnh và kỳ vọng Fed sẽ sớm dừng nâng lãi suất giúp nhu cầu hồi phục; 2) kỳ vọng Trung Quốc mở cửa rõ nét từ giữa 2023 (các ngành kỳ vọng hưởng lợi như: dệt may, sắt thép, hóa chất, cao su, nông sản). **Tuy nhiên, vẫn có một số mặt hàng tăng trưởng giá trị xuất khẩu trong tháng 1 như:** Dây điện và cáp điện (+11%YoY), dầu thô (+10% YoY), giấy và các sản phẩm từ giấy (+6% YoY), sắn và các sản phẩm của sắn (+4% YoY), rau quả (+3% YoY) và chè (+2% YoY).

Xuất - Nhập khẩu và cán cân thương mại

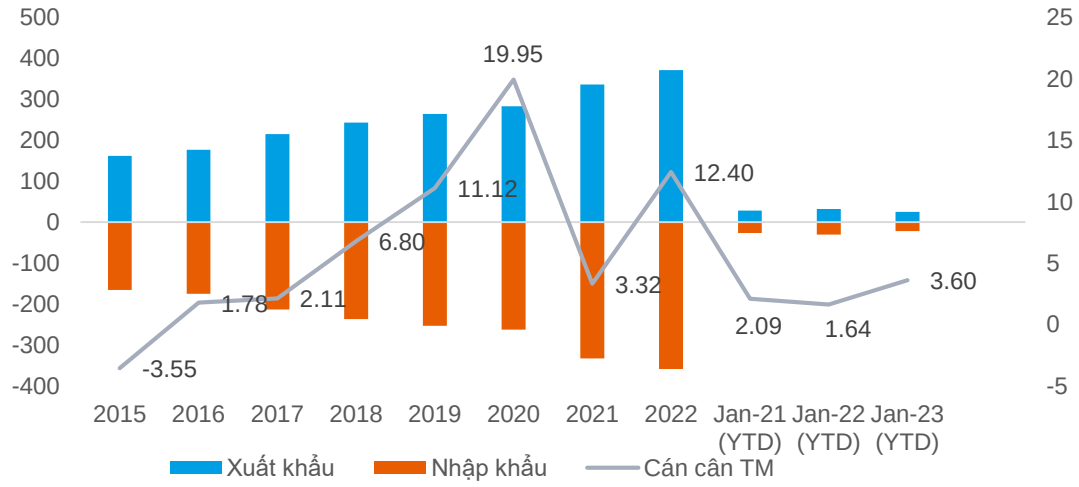

Cán cân thương mại theo khu vực

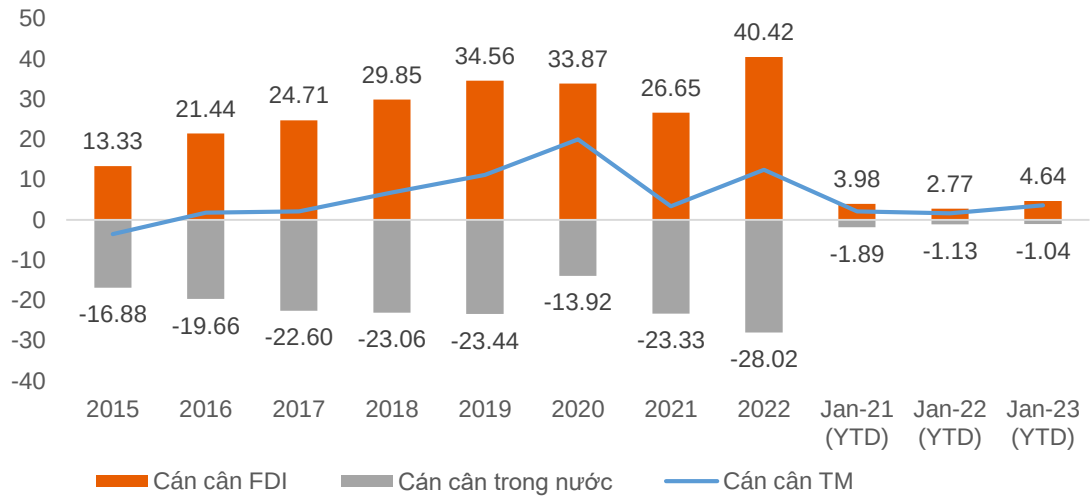

Nguồn: GSO, Yuanta Việt Nam

3. Lạm phát tăng trong dịp Tết Nguyên đán

- **CPI tháng 1/2023 tăng 0.52% MoM sau khi giảm trong tháng 12/2022,** nhiều mặt hàng tiếp tục tăng giá và mức tăng khá đồng đều như nhóm Giao thông (+1.39% MoM), nhóm Đồ uống và thuốc lá (+1.12% MoM), Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0.82% MoM), May mặc mũ nón và giày dép (+0.62% MoM). Các nhóm hàng khác cũng tăng nhẹ với mức độ khá đồng đều, chỉ có 2 nhóm giảm giá là Nhà ở và VLXD (-0.12% MoM) và Giáo dục (-0.15% MoM). So với cùng kỳ, CPI tháng 1/2023 tăng mạnh 4.89% YoY do nhóm Giáo dục (+11.6% YoY), Nhà ở và VLXD (+6.94% YoY), Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+6.08% YoY).
- Trong tháng 1/2023, giá cả đã tăng khá mạnh và đồng đều ở nhiều nhóm hàng, chúng tôi cho rằng một phần là do hiệu ứng Tết Nguyên đán. Ngoài ra, chúng tôi cũng nhận thấy giá sắt thép đang biến động mạnh theo chiều hướng tăng cũng gây áp lực lên mức CPI chung. Mặc dù nhu cầu đang chậm lại do tác động của lãi suất tăng, chúng tôi cho rằng CPI các tháng tới sẽ chịu ảnh hưởng mạnh bởi câu chuyện mở cửa thị trường Trung Quốc. Một số mặt hàng có thể sẽ còn tăng giá khi nhu cầu tăng lên từ Trung Quốc như: sắt thép, hóa chất, cao su, nông sản. Theo đó, chúng tôi vẫn cho rằng **áp lực lạm phát có thể hạ nhiệt trong 2023 nhưng cũng lưu ý rủi ro vẫn cao do nguồn cung vẫn chưa hồi phục hoàn toàn và câu chuyện Trung Quốc mở cửa.**

Chỉ tiêu	YoY	MoM	BQ
CPI chung	**4.89%**	**0.52%**	**4.89%**
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	6.08%	0.82%	6.08%
Đồ uống và thuốc lá	4.36%	1.12%	4.36%
May mặc, mũ nón và giày dép	2.80%	0.62%	2.80%
Nhà ở và vật liệu xây dựng	6.94%	-0.12%	6.94%
Thiết bị và đồ dùng gia đình	2.85%	0.36%	2.85%
Thuốc và dịch vụ y tế	0.64%	0.07%	0.64%
Giao thông	0.05%	1.39%	0.05%
Bưu chính viễn thông	-0.21%	0.00%	-0.21%
Giáo dục	11.60%	-0.15%	11.60%
Văn hoá, giải trí và du lịch	5.30%	0.42%	5.30%
Hàng hóa và dịch vụ khác	3.49%	0.70%	3.49%

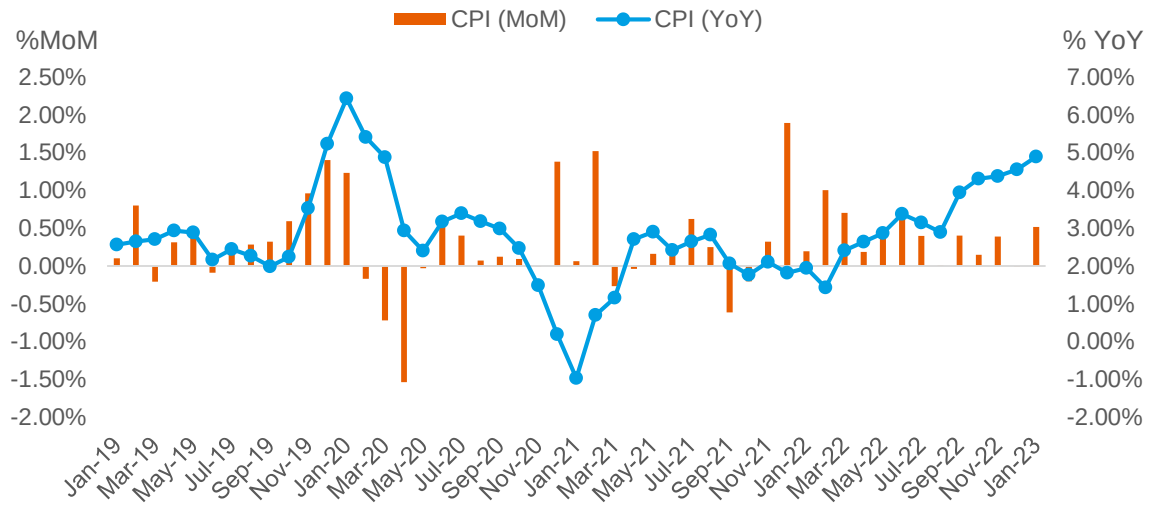

Nguồn: GSO, Yuanta Việt Nam

4. Sản xuất suy giảm nhưng có một số tín hiệu tích cực

- **Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP tháng 1/2023 giảm 14.6% MoM, giảm 8% YoY,** 4 nhóm ngành đều giảm: Khai khoáng (-10.7% MoM, -4.9% YoY), Chế biến chế tạo (-16.1% MoM, -9.1% YoY), Điện (-6.6% MoM, -3.4% YoY), chỉ có ngành Nước và xử lý rác thải giảm 4.5% MoM nhưng vẫn tăng 3.7% YoY.
- Ngành sản xuất tiếp tục suy yếu do điều kiện vĩ mô bất lợi, giảm mạnh nhất là ngành Chế biến chế tạo, chỉ có ngành Nước và xử lý rác thải là vẫn tăng so với cùng kỳ nhờ nhu cầu ổn định và là ngành ít phụ thuộc chu kỳ. Tuy nhiên, chúng tôi cũng lưu ý mức suy giảm mạnh này phần nào phản ánh "xấu hơn thực tế" do đợt nghỉ Tết Nguyên đán năm nay nằm trọn hết trong tháng 1/2023 (năm 2022, đợt nghỉ Tết Nguyên đán nằm trong tháng 2).
- Nhìn chung, chúng tôi vẫn kỳ vọng các ngành sản xuất sẽ chưa thể cải thiện nhanh trong ngắn hạn mà có thể sẽ tích cực hơn từ Q2/2023 khi nhu cầu hồi phục và lãi suất hạ nhiệt. Trong đó, các ngành sản xuất cho thị trường trong nước sẽ ổn định hơn xuất khẩu nhờ sức mua trong nước vẫn tích cực. Tuy nhiên, mảng xuất khẩu có thể tạo mức tăng trưởng cao hơn từ mức nền thấp do giảm sâu hơn. Bên cạnh đó, mảng Nước và xử lý rác thải được chúng tôi đánh giá tích cực và an toàn trong ngắn và dài hạn.
- Hiện tượng La Nina kỳ vọng sẽ kết thúc trong Q1/2023 nên chúng tôi kỳ vọng tích cực cho các nhà máy nhiệt điện hơn thủy điện mặc dù chúng tôi kỳ vọng KQKD các nhà máy thủy điện vẫn còn tích cực trong 6 tháng tới.
- Đối với ngành khai khoáng chúng tôi kỳ vọng tích cực ở nhóm khai thác than (nhu cầu cho điện) – quặng sắt (nhu cầu hồi phục từ Trung Quốc) và nhóm dịch vụ dầu khí ở thượng nguồn.

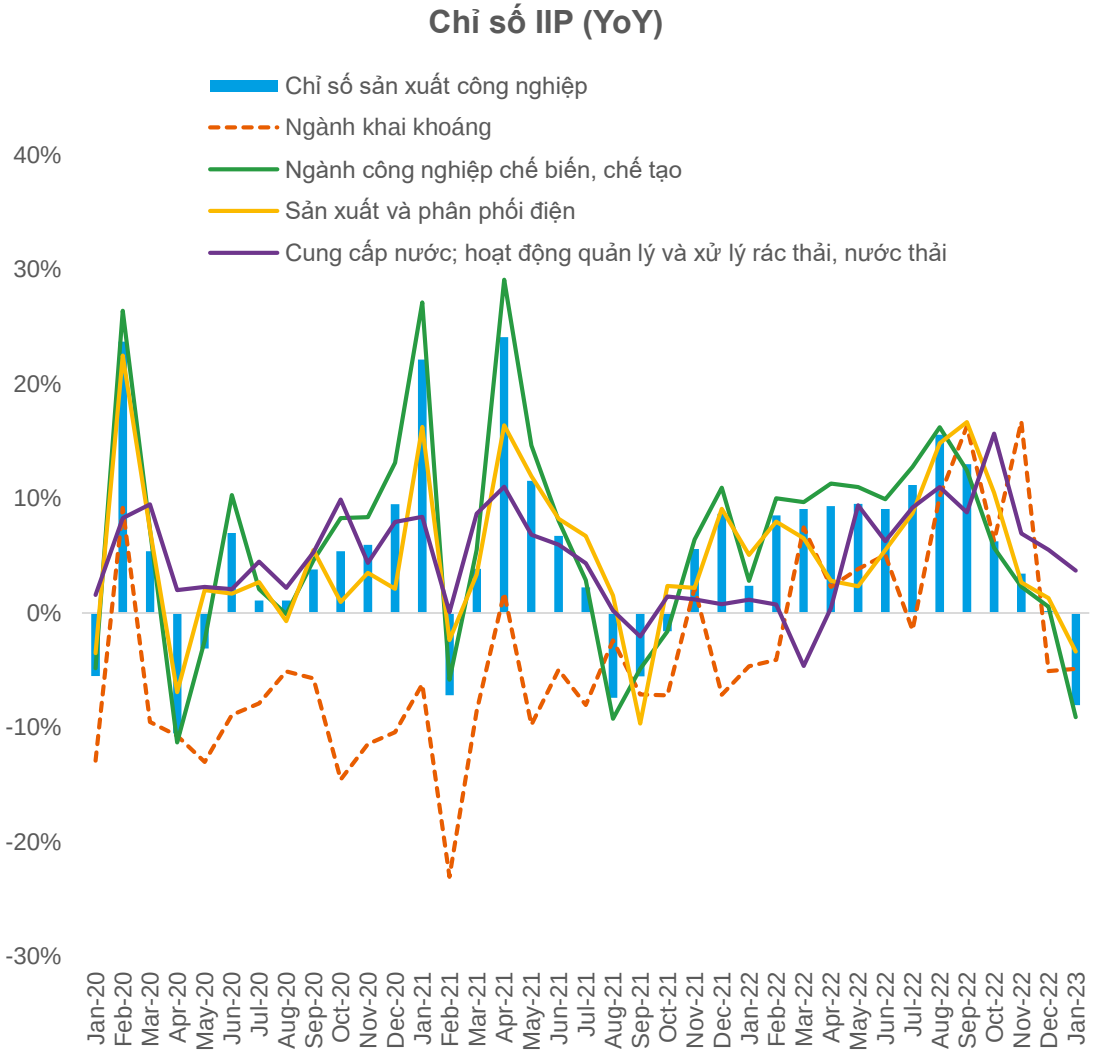

Nguồn: GSO, Yuanta Việt Nam

4. Sản xuất suy giảm nhưng chỉ số niềm tin đã tăng trở lại

- **PMI T1/2023 của Việt Nam đạt 47.4 điểm, cải thiện từ mức 46.4 của tháng 12/2022,** cho thấy tình hình sản xuất tiếp tục suy giảm, mức giảm lần này là tháng thứ 3 liên tiếp. Sản lượng và số lượng các đơn hàng mới tiếp tục giảm tháng thứ 3 liên tiếp. **Tuy nhiên mức giảm đã chậm hơn tháng trước nhờ số lượng đơn hàng xuất khẩu đã tăng trở lại, cho thấy dấu hiệu tích cực đầu tiên.**
- **Sản lượng sản xuất giảm tháng thứ 3 liên tiếp** với tốc độ giảm chậm hơn tháng trước. Số lượng nhân viên cũng như việc làm cũng giảm. Lượng công việc tồn đọng và hàng tồn kho đều giảm, trong đó, hàng tồn kho giảm mạnh nhất kể từ tháng 6/2021.
- **Áp lực chi phí lên hàng hóa cơ bản giảm nhưng hàng hóa trung gian và tiêu dùng chưa được hấp thụ:** Chi phí đầu vào vẫn tăng tháng thứ 5 liên tiếp và tốc độ tăng trong tháng 1 là nhanh nhất kể từ tháng 7/2022 do tăng giá từ nhà cung cấp, chi phí nhập khẩu và thuế tăng. Điểm đáng chú ý là giá đầu vào của các công ty sản xuất hàng hóa cơ bản giảm còn giá đầu vào của các doanh nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng hóa trung gian tiếp tục tăng. **Chúng tôi cho rằng đây là điểm tích cực** do giá đầu vào của các hàng hóa "cơ bản đầu nguồn chuỗi cung ứng" đang bắt đầu giảm và sẽ cần thời gian để tác động đến các hàng hóa ở trung gian và tiêu dùng cuối cùng.
- **Lĩnh vực sản xuất tiếp tục suy giảm trong tháng 1 nhưng vẫn có các dấu hiệu tích cực.** Mặc dù, các hoạt động sản xuất và bán hàng tiếp tục suy yếu, tuy nhiên, số đơn hàng xuất khẩu tăng trở lại là điểm tích cực. Giá bán hàng hóa nhìn chung tiếp tục tăng tuy nhiên, các loại hàng hóa cơ bản (đầu vào của nhiều hàng hóa khác) cho thấy áp lực chi phí đầu vào đang giảm và có thể sẽ sớm giảm giá đầu ra. Tuy khó khăn vẫn tiếp diễn nhưng chỉ số niềm tin kinh doanh đã tăng trở lại mốc cao nhất 3 tháng nhờ kỳ vọng vào câu chuyện Trung Quốc mở cửa và số đơn hàng xuất khẩu đã tăng trở lại.

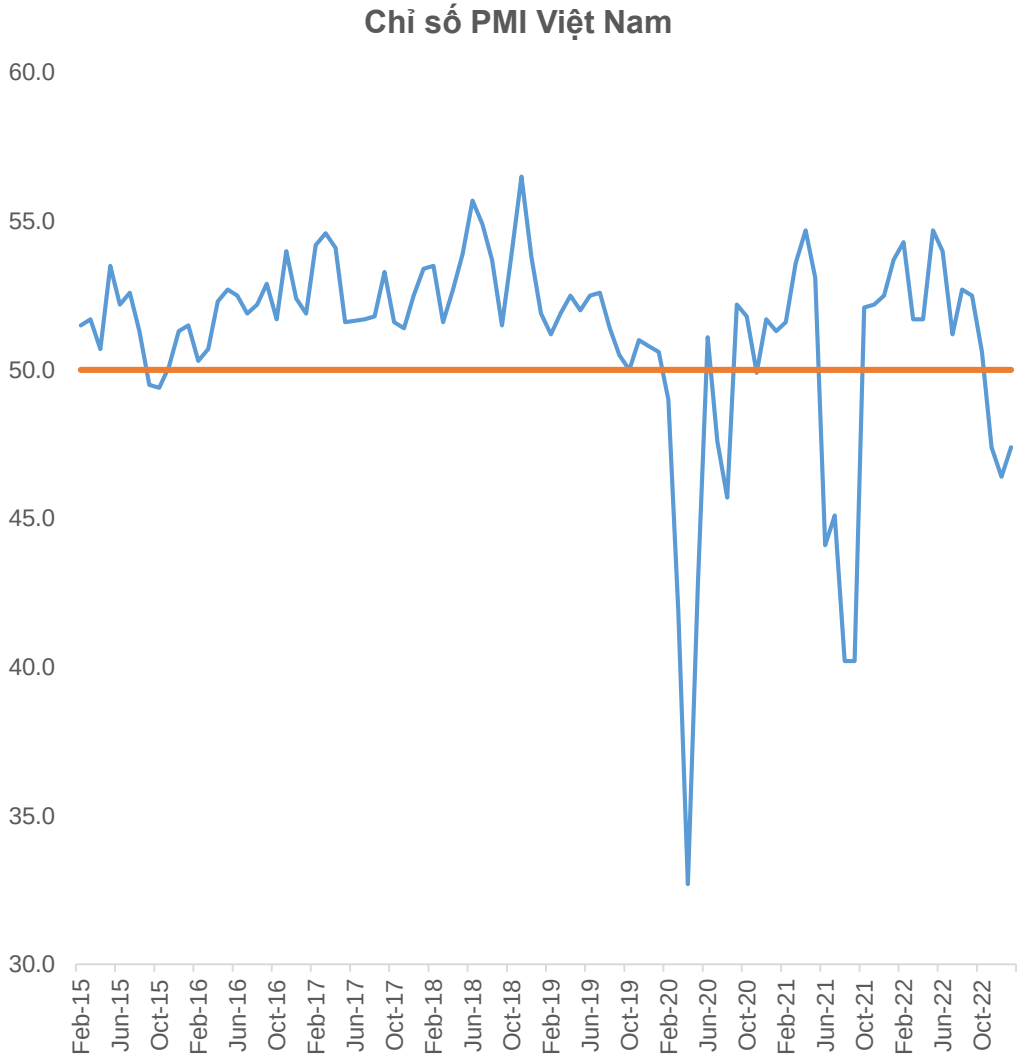

Nguồn: S&P Global, Yuanta Việt Nam

5. Tổng mức bán lẻ duy trì mạnh mẽ, động lực mới cho du lịch

- **Tổng mức bán lẻ tháng 1/2023** ước đạt 545 nghìn tỷ, tăng 5.2% MoM, tăng 20% YoY. Tổng mức bán lẻ tháng 1 tiếp tục thể hiện đà tăng trưởng tích cực, trong đó bán lẻ hàng hóa (+8.1% MoM, +18.1% YoY), dịch vụ lưu trú – ăn uống (+5.4% MoM, +37.3% YoY), dịch vụ lữ hành (+2.4% MoM, +113.4% YoY). Tốc độ tăng MoM của tháng 1 là khá mạnh do hiệu ứng Tết Nguyên Đán, tuy nhiên, mức tăng trưởng +20% YoY theo chúng tôi là cao.
- Mặc dù các yếu tố vĩ mô bất lợi đến sức mua người tiêu dùng từ tháng 9/2022, tổng mức bán lẻ đã quay trở lại tăng trưởng nhanh chóng sau 2 tháng suy yếu. Số liệu tháng 1/2023 cho thấy sức mua tiếp tục duy trì mạnh mẽ, đặc biệt là dịch vụ lưu trú – ăn uống. Như chúng tôi có đánh giá, người tiêu dùng đã giảm chi tiêu ở *một số nhóm hàng không thiết yếu* nhưng vẫn chi tiêu ổn định cho *các mặt hàng thiết yếu*. **Do đó, chúng tôi vẫn giữ quan điểm tích cực** về tiềm năng mạnh mẽ của thị trường bán lẻ mặc dù suy yếu trong ngắn hạn ở một số nhóm hàng không thiết yếu.
- **Riêng với nhóm du lịch** đã hồi phục tích cực trong 2022 nhờ nhu cầu nội địa hồi phục. Trong 2023, chúng tôi kỳ vọng động lực dẫn dắt du lịch có thể đến từ lượng khách Trung Quốc quay lại khi quốc gia này mở cửa từ giữa 2023. Chúng tôi lưu ý trước COVID, lượng khách Trung Quốc luôn chiếm trên 30% tổng lượt khách quốc tế đến Việt Nam.

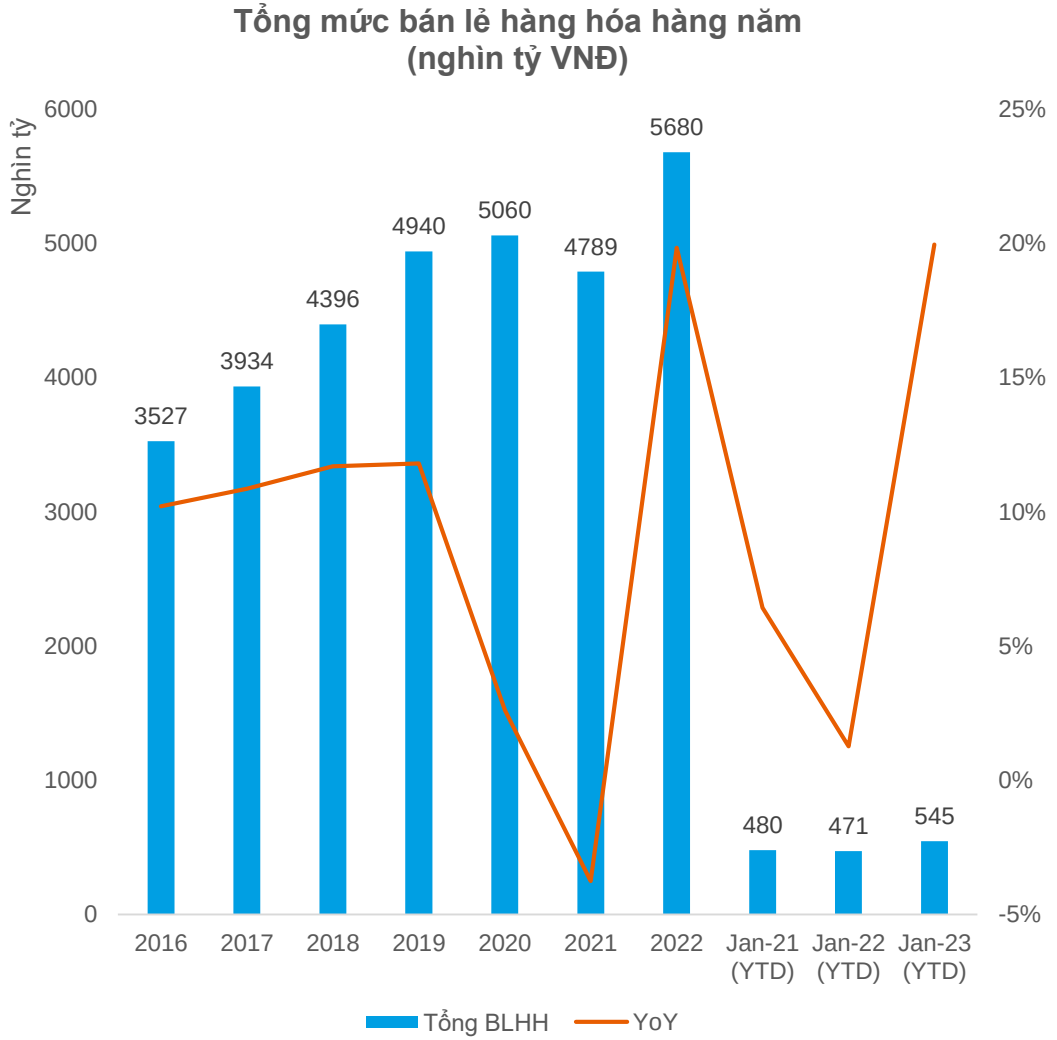

Nguồn: GSO, Yuanta Việt Nam

6. Nhu cầu vàng tăng – Tỷ giá hạ nhiệt

- **Giá vàng SJC trong nước quay đầu tăng mạnh trong tháng 12** ở cả 2 chiều mua vào (+2.43% MoM) và bán ra (+2.7% MoM), chênh lệch mua bán tăng lên mức 1 triệu đồng/lượng cho thấy nhu cầu vàng đã tăng trở lại. Giá vàng thế giới cũng tăng mạnh 5.6% MoM khiến khoảng cách giá vàng SJC trong nước cao hơn giá vàng thế giới thu hẹp về mức 25% (tại ngày 27.01.2023). Chúng tôi cho rằng giá vàng nhìn chung tăng trở lại là do lo ngại về rủi ro suy thoái và mức lạm phát tăng trong tháng 1/2023.

- **Tỷ giá tiếp tục giảm ở các thị trường trong tháng 1/2023** như tỷ giá trung tâm (đi ngang MoM), tỷ giá NHTM (-0.5% MoM), thị trường tự do (-1.4% MoM). Tỷ giá trong nước giảm theo thị trường quốc tế, chỉ số US Dollar Index tiếp tục điều chỉnh giảm 1.3% MoM, nối dài chuỗi giảm giá từ giữa tháng 10/2022. Như trong báo cáo trước, chúng tôi cho rằng tỷ giá USD trong nước có độ trễ so với giá USD thế giới. Ngoài ra, việc xuất siêu mạnh 3.6 tỷ USD trong tháng 1 cũng là yếu tố hỗ trợ tỷ giá. Chúng tôi cũng lưu ý 1 rủi ro đối với tỷ giá là dòng vốn FDI vẫn đang tiếp tục yếu và NHNN đã bắt đầu mua ròng khoảng 2 tỷ USD dự trữ trong tháng 1. Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng tỷ giá USD/VND sẽ tích cực hơn từ giữa năm 2023 khi xuất khẩu hồi phục tại các nước: Mỹ, EU và câu chuyện Trung Quốc mở cửa.

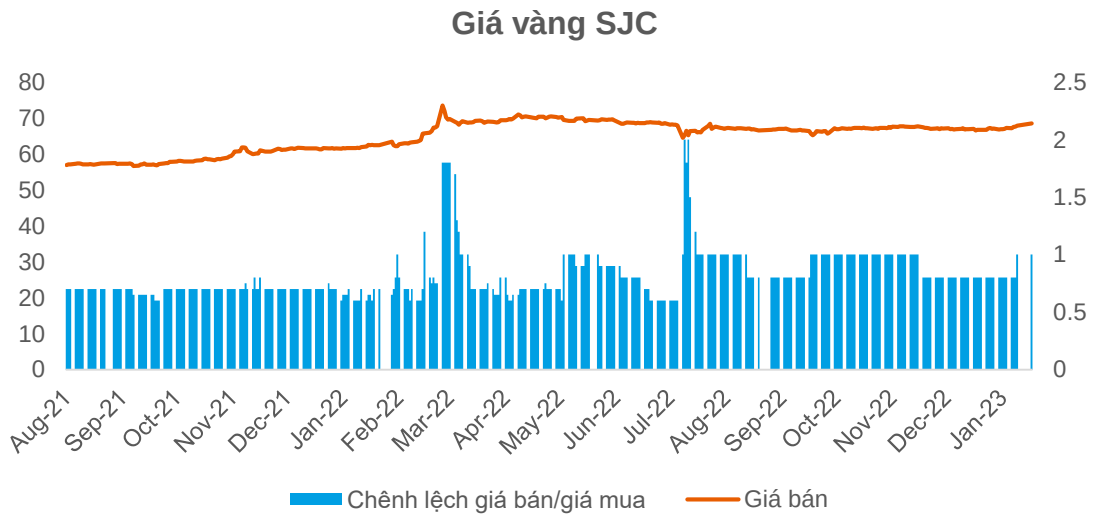

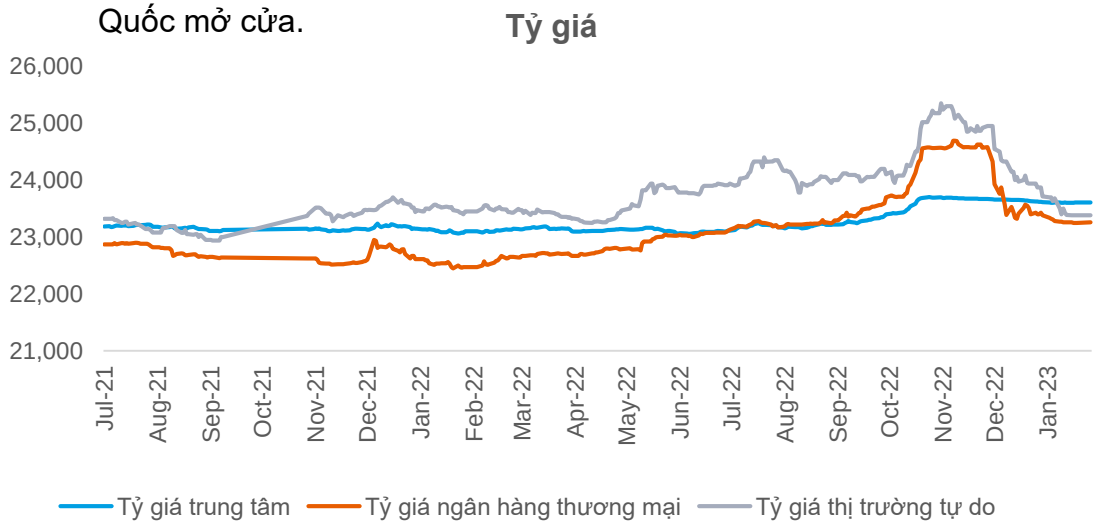

Nguồn: FiinGroup, Yuanta Việt Nam

7. Mặt bằng lãi suất giảm nhẹ - Rủi ro vĩ mô tiếp tục hạ nhiệt

- **Lãi suất liên NH biến động trái chiều ở các kỳ hạn trong tháng 1:** Lãi suất qua đêm, kỳ hạn 1T tăng lần lượt 190bps và 188bps MoM; kỳ hạn 3T, 6T giảm lần lượt 124bps và 125bps MoM. Chúng tôi cho rằng mặt bằng lãi suất vẫn trong xu hướng giảm nhẹ, lãi suất qua đêm và 1T tăng là do hiệu ứng cận Tết Nguyên đán để phục vụ nhu cầu rút tiền mặt của người dân (thực tế lãi suất qua đêm đã tăng nhanh từ ngày 10/01/2023, trước Tết Nguyên đán 10 ngày).
- Nhìn chung, mặt bằng lãi suất đang trong xu hướng ổn định trở lại. Sau Tết Nguyên đán, một số ngân hàng thương mại đã giảm lãi suất huy động khoảng 0.5-1%. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn giữ quan điểm thận trọng với lãi suất, vẫn chưa kỳ vọng lãi suất giảm đáng kể mà chỉ kỳ vọng lãi suất sẽ hạ nhiệt sau sau khi các NHTW trên thế giới dừng nâng lãi suất.
- **Lợi suất Trái phiếu Chính phủ tiếp tục giảm ở các kỳ hạn**: kỳ hạn 1N giảm 28.6bps MoM, kỳ hạn 2N giảm 29.3bps MoM, kỳ hạn 10N giảm 27.5bps MoM. **Điều này cho thấy các rủi ro vĩ mô tiếp tục hạ nhiệt trong tháng 1/2023.** Chúng tôi cho rằng lý do là 1) đồng USD đang hạ nhiệt trên thị trường quốc tế; 2) xuất siêu vẫn tích cực giúp giảm áp lực tỷ giá; 3) Chính phủ đang thảo luận và đưa ra các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất. **Theo đó rủi ro vĩ mô vẫn ở mức cao nhưng đang tiếp tục hạ nhiệt.**

Lãi suất BQ Liên ngân hàng

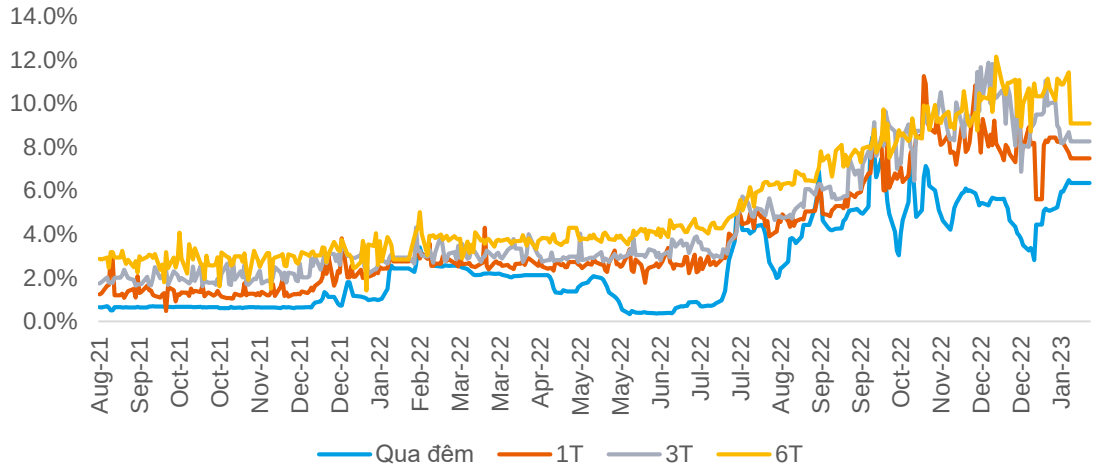

Lợi suất trái phiếu

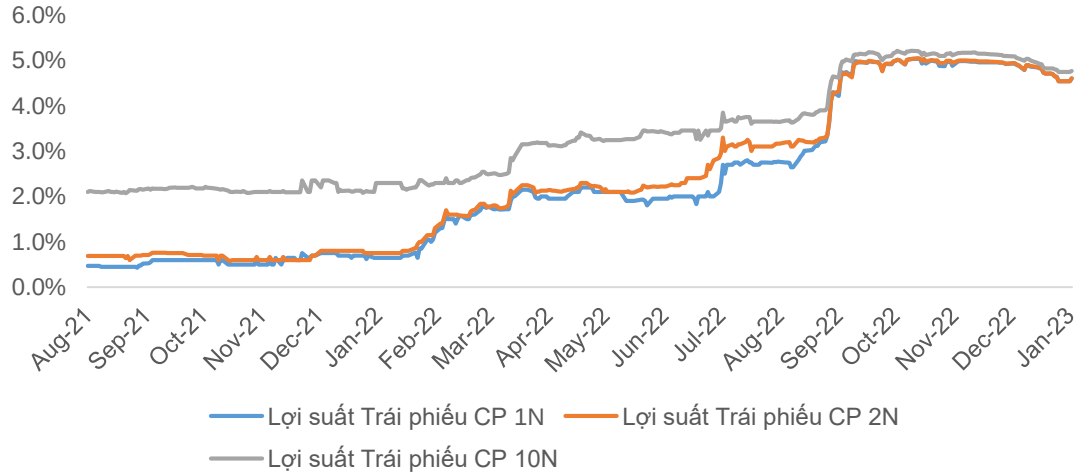

Nguồn: FiinGroup, Yuanta Việt Nam

Kết luận và dự báo tình hình vĩ mô Việt Nam

- Tình hình kinh tế vĩ mô trong tháng 1 có sự ảnh hưởng rõ rệt từ kỳ nghỉ tết nguyên đán. Hoạt động xuất nhập khẩu nối tiếp đà suy yếu từ tháng 9/2022 phần lớn do nhu cầu yếu tại các nước đối tác và một phần do kỳ nghỉ tết. Nguồn vốn FDI vẫn chậm như chúng tôi đã ước tính, tuy nhiên dòng vốn FDI cấp mới tăng mạnh so với cùng kỳ cho thấy tín hiệu tích cực đối với các dự án FDI mới khi Việt Nam đã hồi phục kinh tế rất tốt từ khi mở cửa sau COVID-19 từ tháng 3/2022. Hoạt động sản xuất công nghiệp nghiệp suy giảm do kỳ nghỉ tết kéo dài và nhu cầu thị trường nước ngoài vẫn yếu, tuy nhiên, áp lực chi phí lên hàng hóa cơ bản đang giảm dần và niềm tin kinh doanh đã tăng trở lại nhờ việc Trung Quốc mở cửa lại và lạm phát hạ nhiệt tại các nước phát triển. Ngược lại với lạm phát hạ nhiệt tại các nước lớn, CPI tháng 1/2023 tại Việt Nam tăng mạnh trong dịp tết do nhu cầu mua sắm tăng cao. Chúng tôi cho rằng lạm phát tại Việt Nam có độ trễ so với các nước phát triển và sẽ tạo đỉnh trong quý 1 sau đó sớm hạ nhiệt.
- Điểm tích cực nhất trong tháng 1 thể hiện ở nhu cầu hàng hóa trong nước tăng cao, đặc biệt trong lĩnh vực Bán lẻ hàng hóa và Dịch vụ lưu trú-ăn uống. Chúng tôi vẫn duy trì quan điểm tích cực về đà tăng của tổng mức bán lẻ hàng hóa trong nước, với sự hỗ trợ từ nhu cầu du lịch Trung Quốc khi lượng khách từ Trung Quốc luôn chiếm trên 30% khách quốc tế tới Việt Nam.
- Các yếu tố về tỷ giá và lãi suất trong tháng 1 tương đối ổn định và có phần hạ nhiệt trước bối cảnh đồng USD điều chỉnh giảm và NHNN có động thái yêu cầu các NHTM giảm lãi suất trong tháng 12/2022. Mặc dù một số NHTM đã giảm lãi suất cho vay, tuy nhiên, áp dụng kỳ hạn khá ngắn và chúng tôi cho rằng áp lực lãi suất vẫn chưa thể hạ nhiệt.
- Ngoài ra, hoạt động đầu tư công trong tháng đầu năm đã được đẩy mạnh và kỳ vọng sẽ là động lực tăng trưởng lớn cho nền kinh tế trong năm 2023 khi các động lực từ đầu tư FDI và hoạt động xuất nhập nhẩu vẫn còn khó khăn.

Lịch sự kiện tháng 2/2023

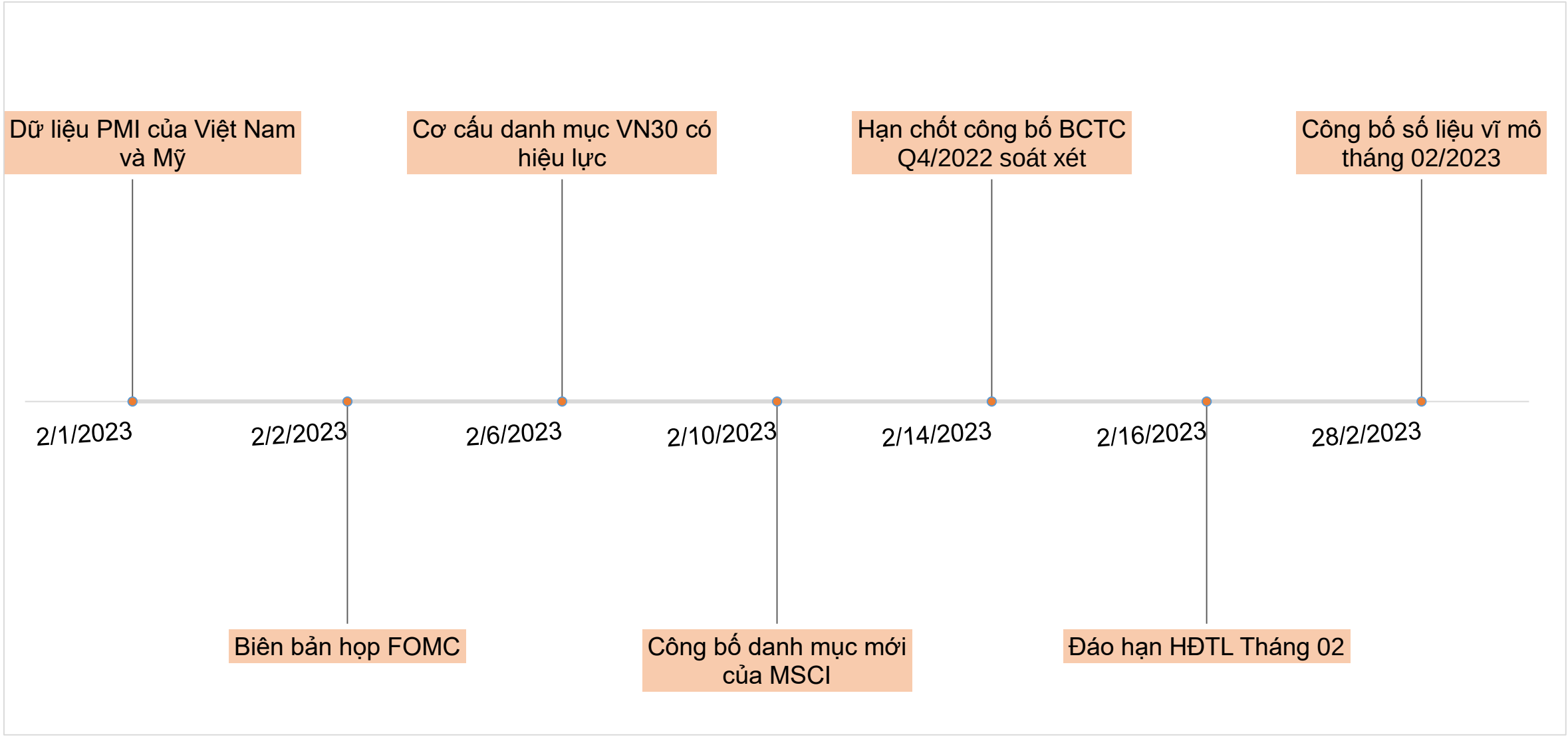

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

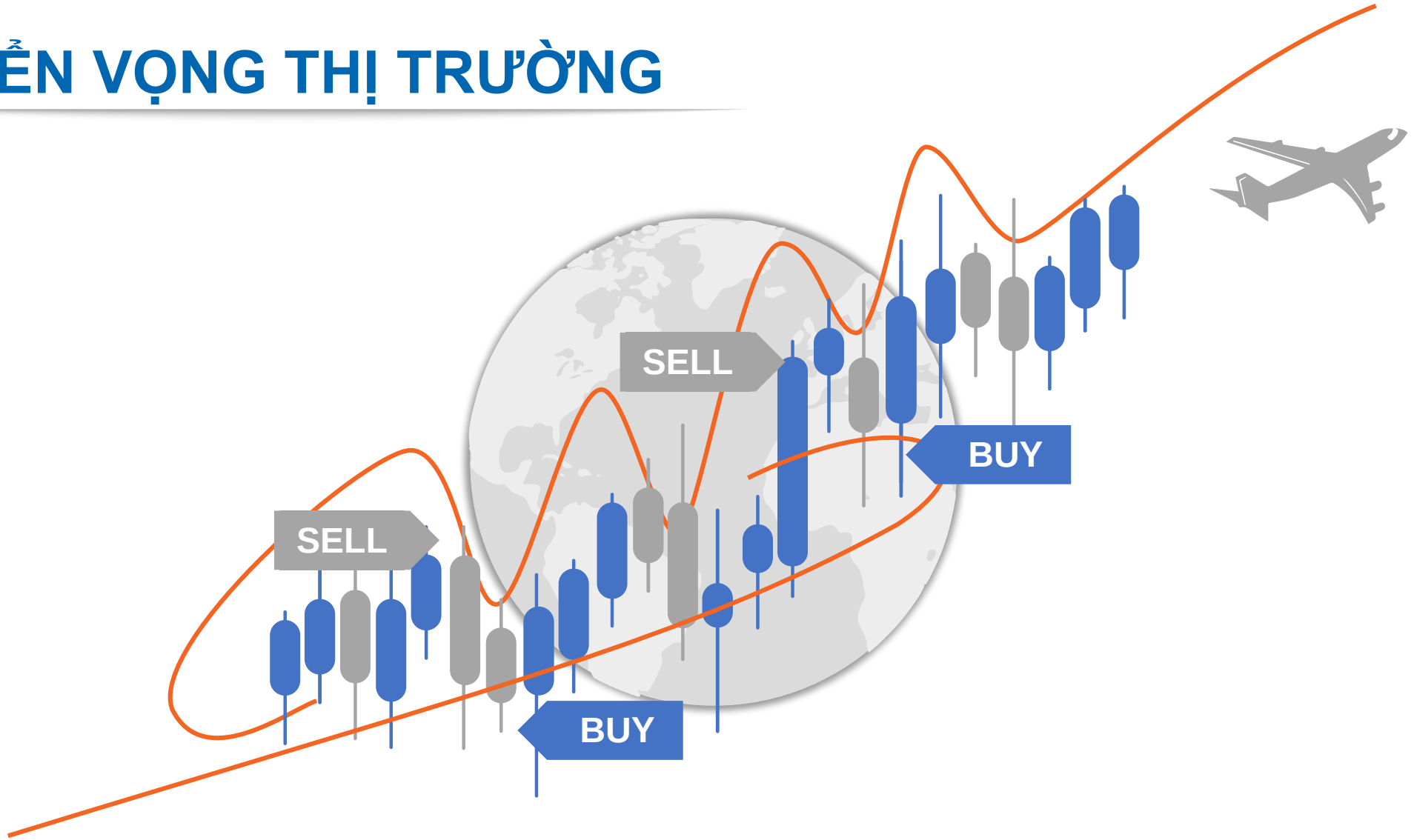

1. Các chỉ số đều tăng trưởng dương trong tháng 01/2023

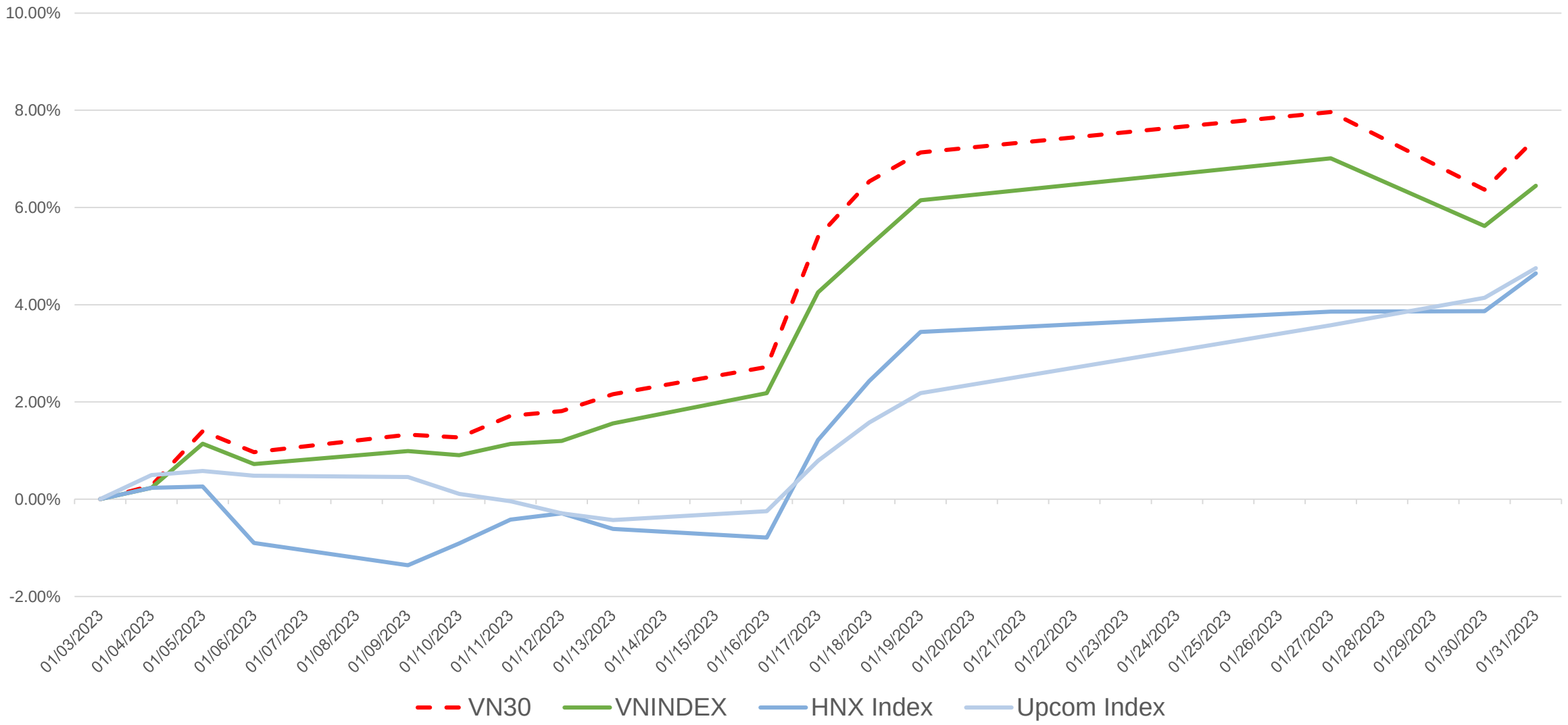

1. Nhóm Dầu khí dẫn đầu đà tăng

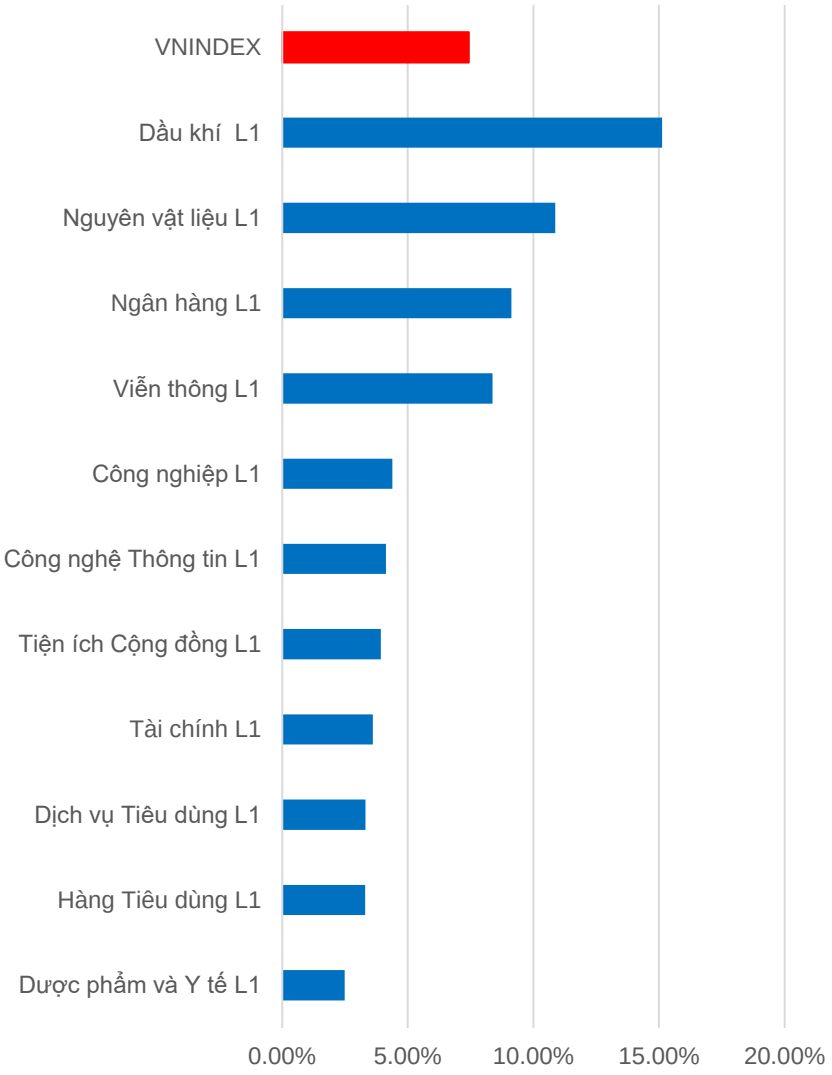

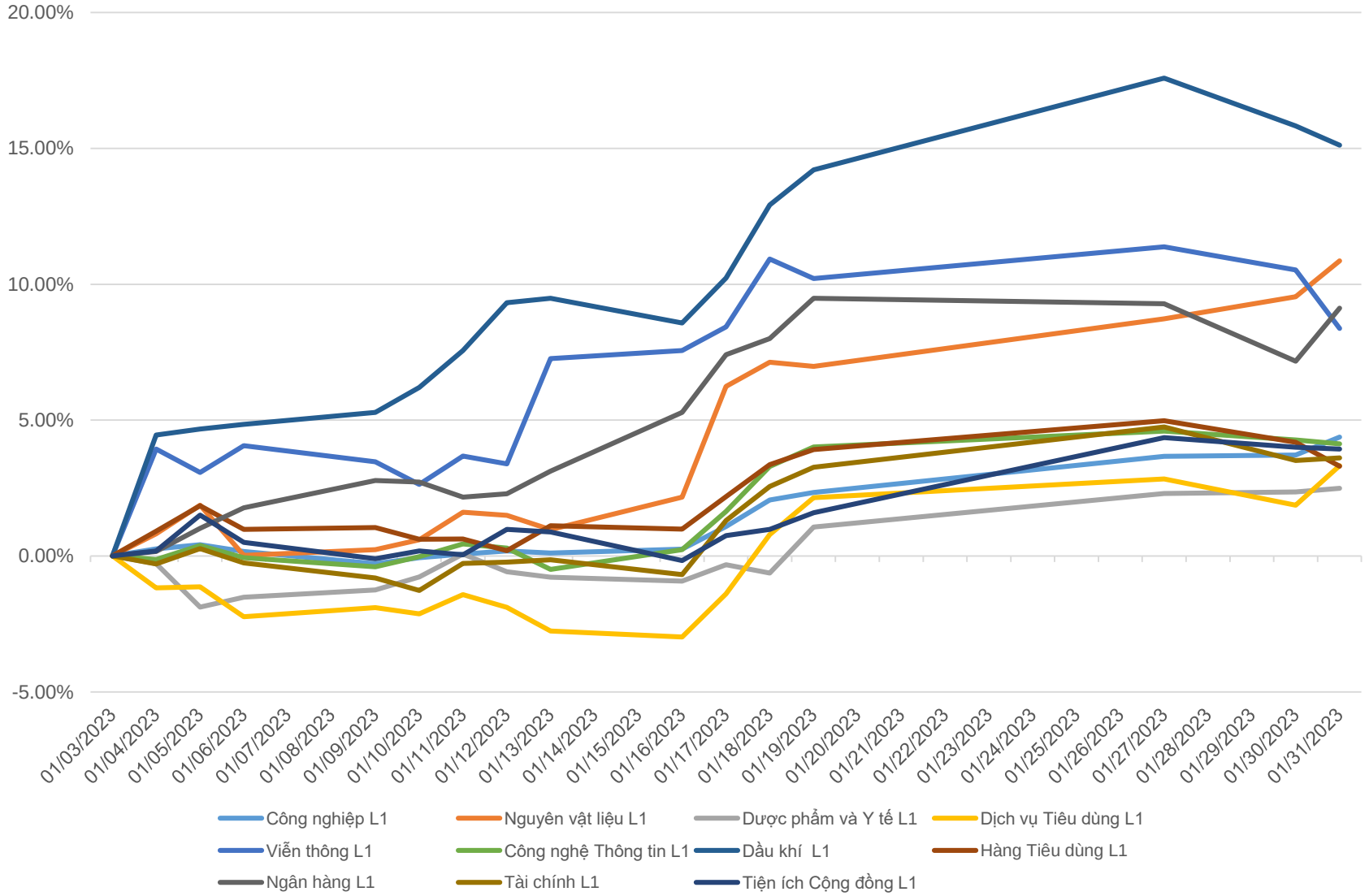

2. Khối ngoại tiếp tục mua ròng 4,187 tỷ trong tháng 01/2023

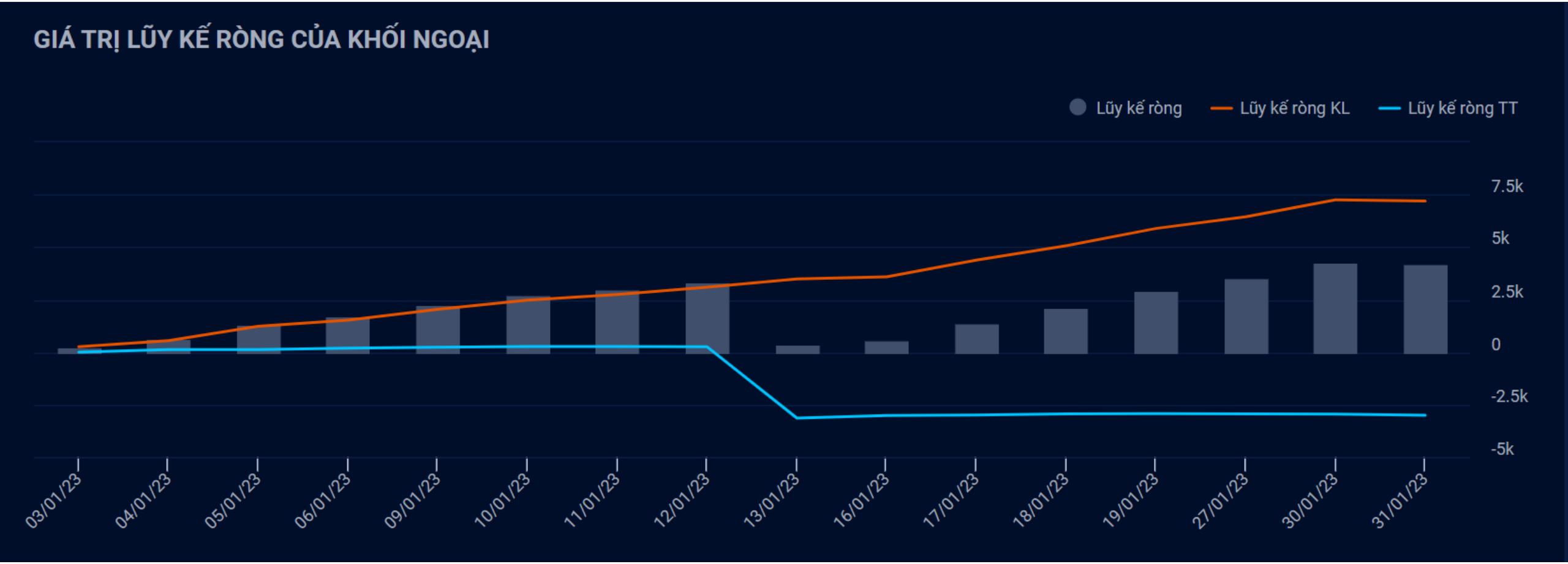

2. Dòng tiền quay trở lại TTCK châu Á, Ấn Độ và Thái Lan bị rút ròng

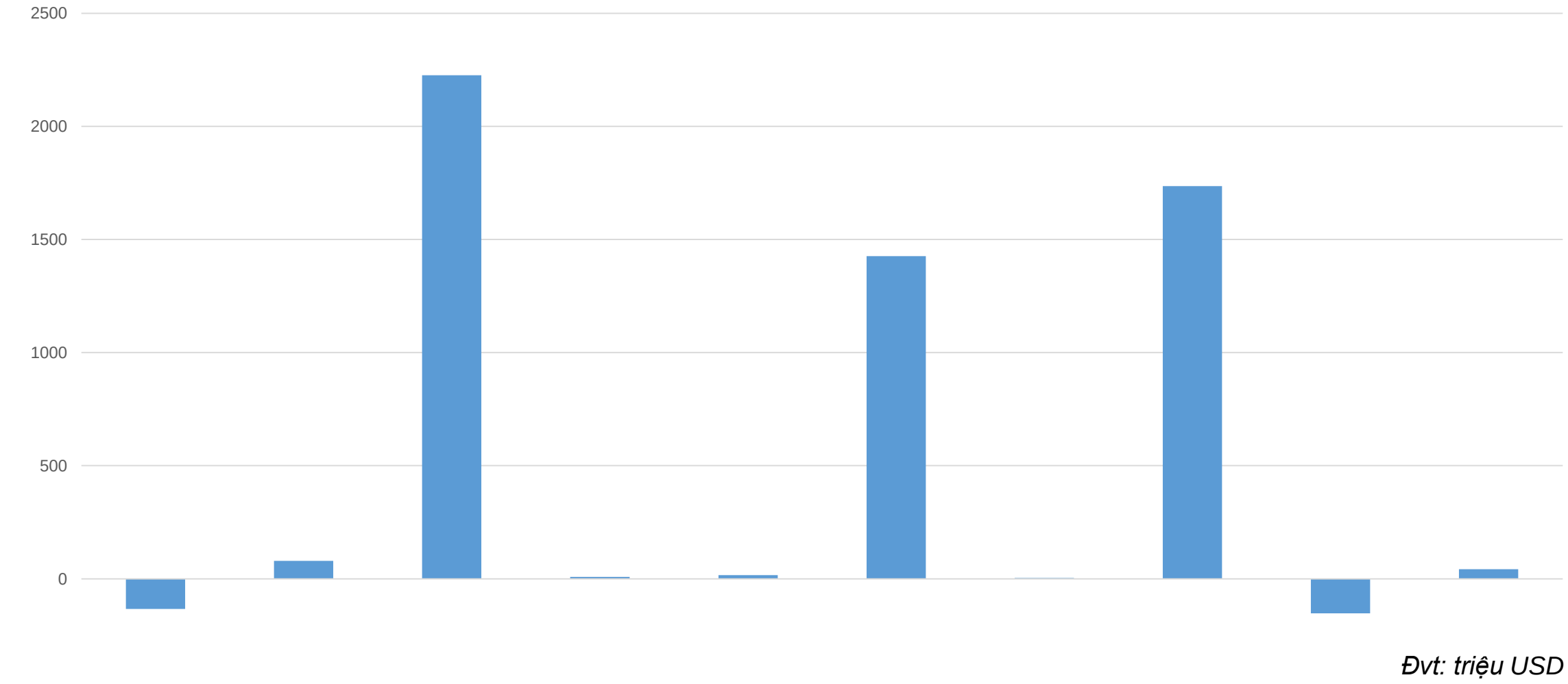

Đvt: triệu USD

	India	Indonesia	Japan	Malaysia	Philippines	S. Korea	Sri Lanka	Taiwan	Thailand	Vietnam
Series1	-133.2	78.8	2225.6	8.4	15.8	1425.9	3.7	1735.6	-152.9	42.5

2. Khối ngoại tiếp tục mua ròng mạnh các quỹ ETF nội

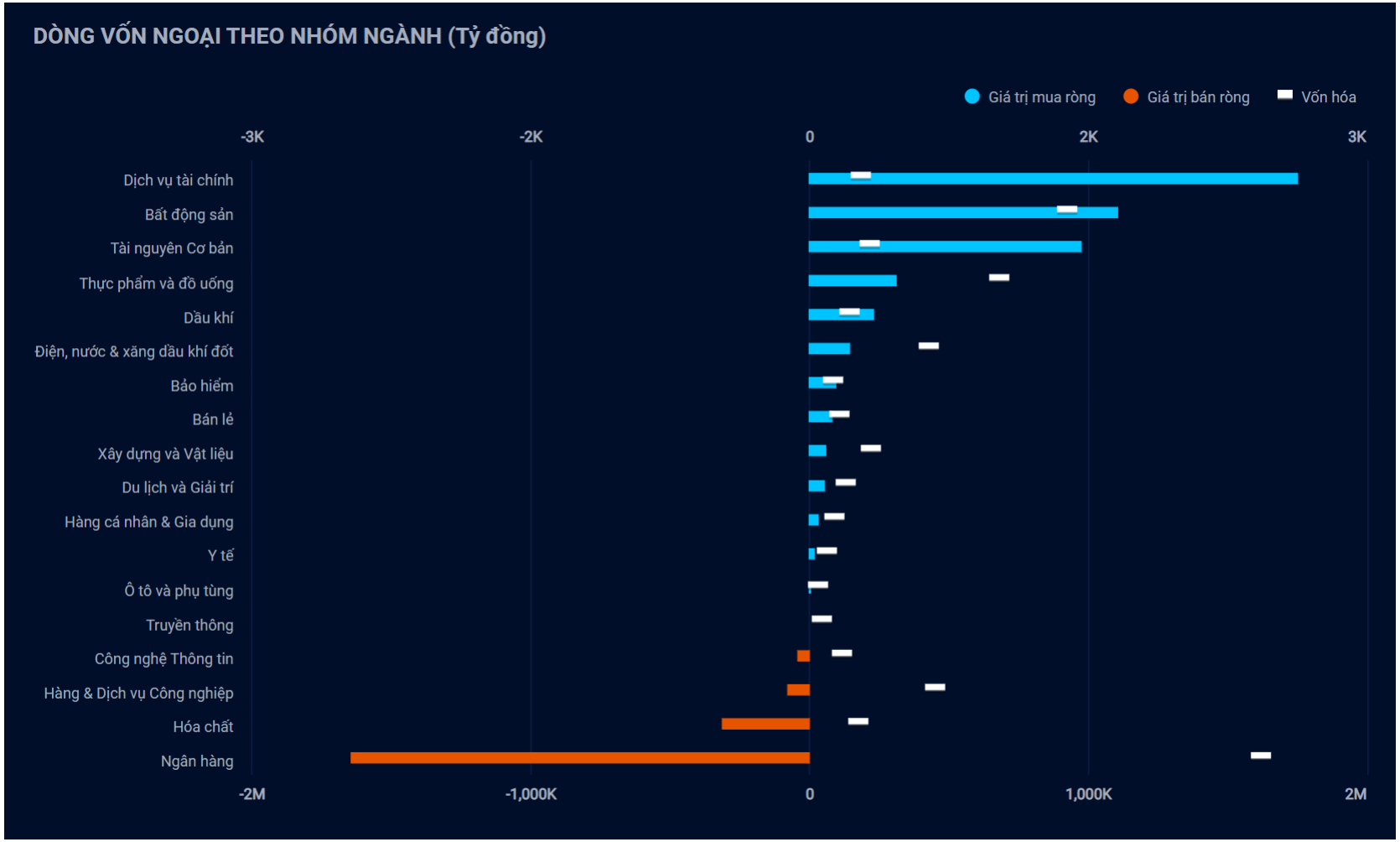

2. Tỷ lệ sở hữu của khối ngoại tiếp tục tăng mạnh

TOP CỔ PHIẾU MUA VÀ BÁN RÒNG

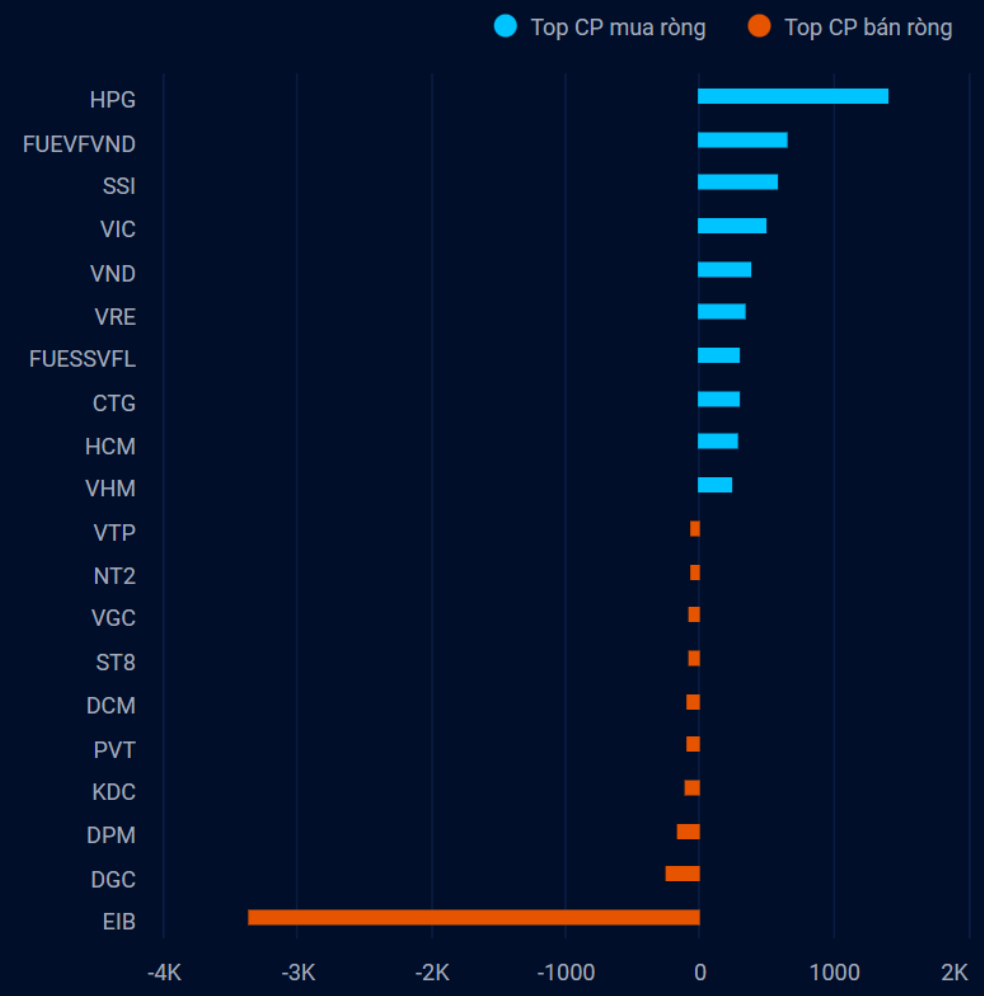

TỶ LỆ SỞ HỮU KHỐI NGOẠI SO VỚI THỊ TRƯỜNG

TOÀN THỊ TRƯỜNG

TỶ LỆ SỞ HỮU

19%

TỔNG VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG (Tỷ đồng)

88,636,502

TỔNG VỐN HÓA KHỐI NGOẠI (Tỷ đồng)

16,739,525

HSX

TỶ LỆ SỞ HỮU

23%

TỔNG VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG (Tỷ đồng)

68,821,459

TỔNG VỐN HÓA KHỐI NGOẠI (Tỷ đồng)

15,862,511

HNX

TỶ LỆ SỞ HỮU

7%

TỔNG VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG (Tỷ đồng)

4,174,854

TỔNG VỐN HÓA KHỐI NGOẠI (Tỷ đồng)

299,026

UPC

TỶ LỆ SỞ HỮU

4%

TỔNG VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG (Tỷ đồng)

15,640,189

TỔNG VỐN HÓA KHỐI NGOẠI (Tỷ đồng)

577,989

3. Chỉ số VN-Index vẫn đang trong nhịp hồi của xu hướng giảm dài hạn

- Chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức 1,111.18 điểm, tăng 10,3% so với tháng trước đó, đây cũng là tháng tăng trưởng mạnh nhất kể từ đầu 2021. Tuy nhiên, khối lượng giao dịch giảm dưới mức trung bình 20 tháng cho thấy dòng tiền vẫn chưa sẵn sàng quay trở lại thị trường.
- Điểm tích cực là nhiều cổ phiếu có dấu hiệu hồi phục từ vùng quá bán cho nên chúng tôi cho rằng chỉ số VN-Index vẫn đang trong nhịp hồi của xu hướng giảm dài hạn. Đồng thời, nếu chỉ số VN-Index tiếp tục hồi phục trong tháng kế tiếp thì rủi ro ngắn hạn có thể giảm dần, mức kháng cự dài hạn là 1,224 điểm.
- Độ rộng thị trường trong xu hướng dài hạn vẫn ở mức thấp cho thấy các nhà đầu tư vẫn còn rất bi quan với xu hướng hiện tại.
- Xu hướng dài hạn vẫn duy trì ở mức GIẢM. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư chưa nên mua vào thời điểm này và nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp dưới 30% danh mục dài hạn.

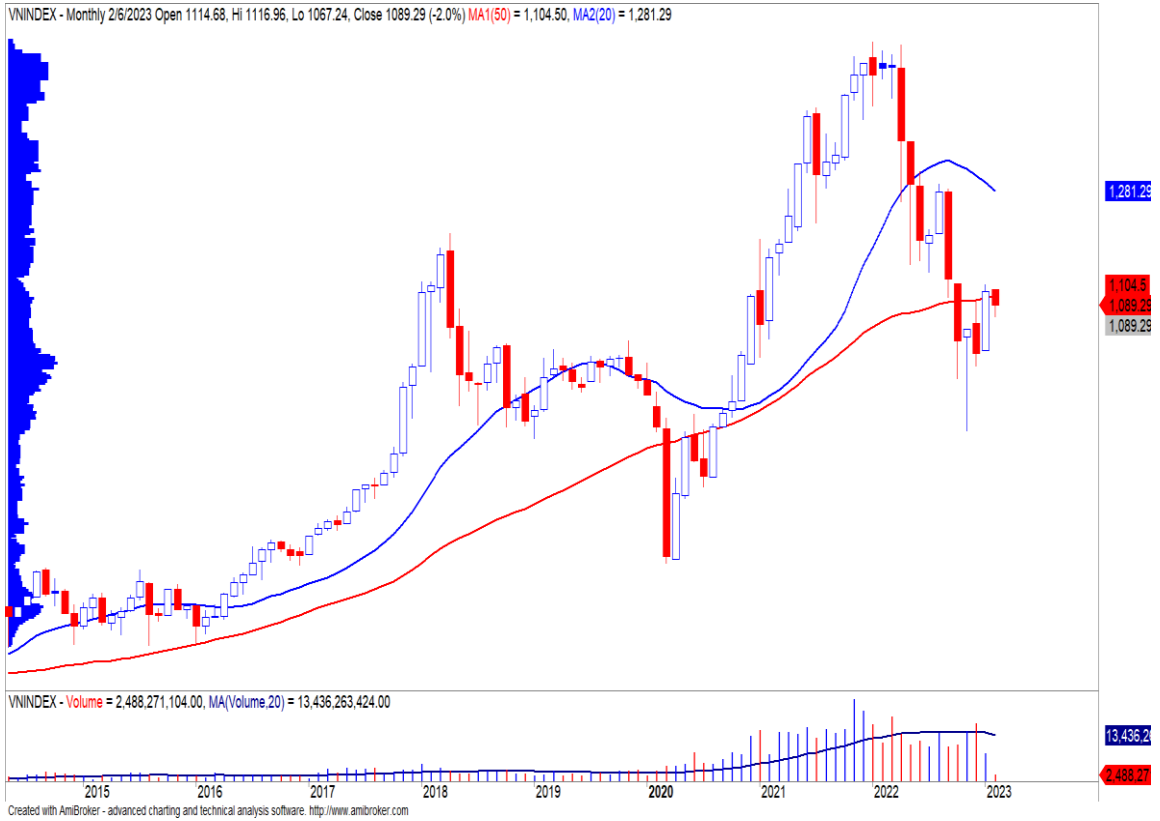

4. Hiệu quả khuyến nghị đầu tư hàng ngày trong tháng 01/2022

Chỉ tiêu		2019	2020	2021	2022	T01/2023
Số KN mua		222	128	210	127	11
Số KN Bán		212	123	218	135	2
Số KN chốt lời	Số lần	88	57	113	47	1
	Lãi TB	9.1%	15.5%	24.7%	13.5%	9.4%
Số KN cắt lỗ	Số lần	124	66	105	88	1
	Lỗ TB	-3.4%	-5.1%	-5.8%	-8.0%	-3.1%
Thời gian nắm giữ TB		21	20	24	17	34
% Tỷ suất LN Trung bình		8.9%	4.4%	10.0%	-0.5%	3.2%
% Tăng trưởng Vnindex		7.8%	14.9%	35.7%	-32.6%	10.1%
% Tăng trưởng VN30		2.7%	21.8%	43.4%	-34.3%	11.6%
% Tăng trưởng Vaneck		8.4%	9.4%	21.4%	-39.8%	8.9%
% Tăng trưởng DB FTSE		4.2%	16.4%	30.4%	-43.0%	12.0%
% Tăng trưởng E1VFVN30		3.1%	22.0%	43.5%	-31.1%	10.8%
% Lợi nhuận cao nhất	Tỷ suất lợi nhuận	102.9%	79.2%	140.3%	53.1%	9.4%
	Tên Cổ phiếu	CTR	DBC	AGR	FRT	NT2
% Lợi nhuận thấp nhất	Tỷ suất lợi nhuận	-8.6%	-20.5%	-14.5%	-16.8%	-3.1%
	Tên Cổ phiếu	MPC	CTR	NKG	TNH	TCM

4. Hiệu quả đầu tư của danh mục YS30 trong tháng 01/2022

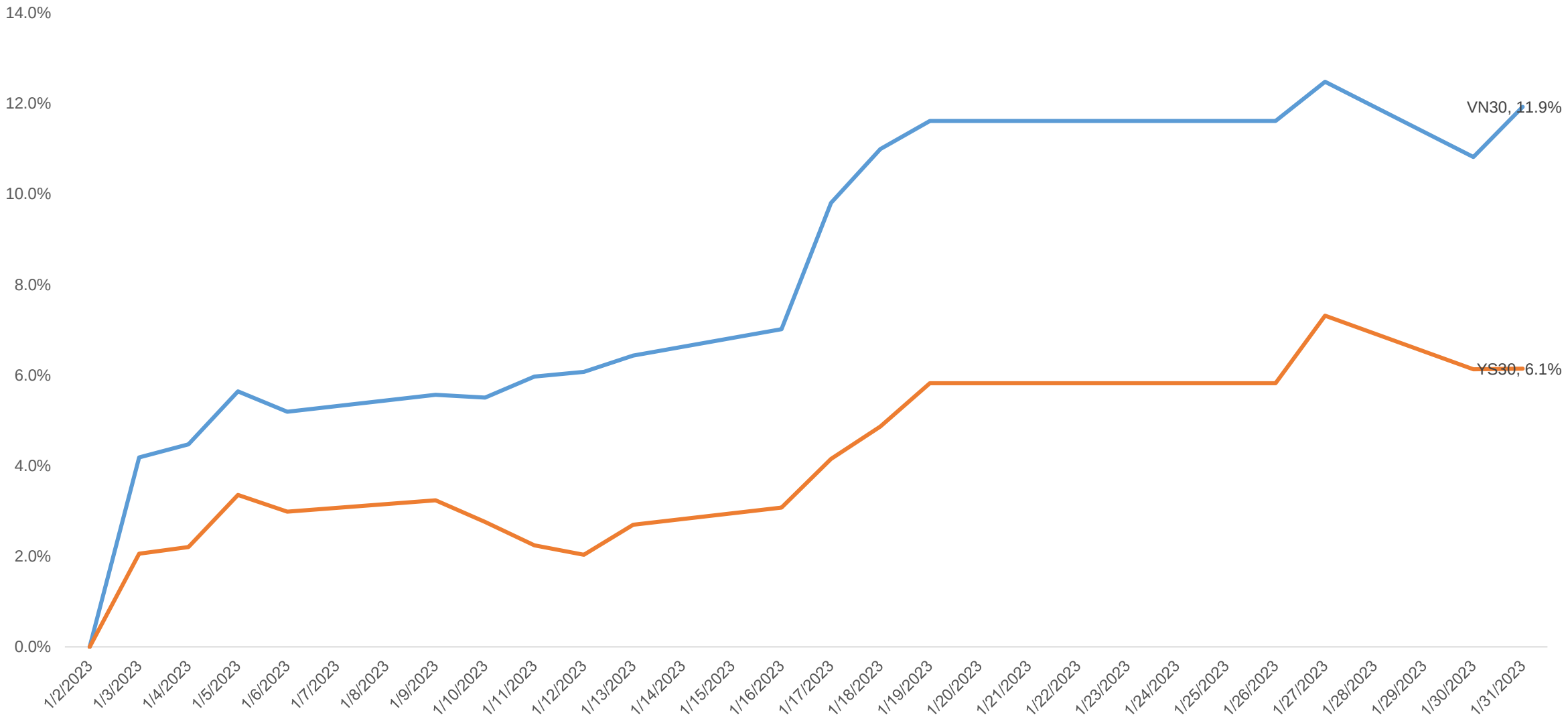

4. Hiệu quả đầu tư của danh mục YS30 từ đầu năm 2021

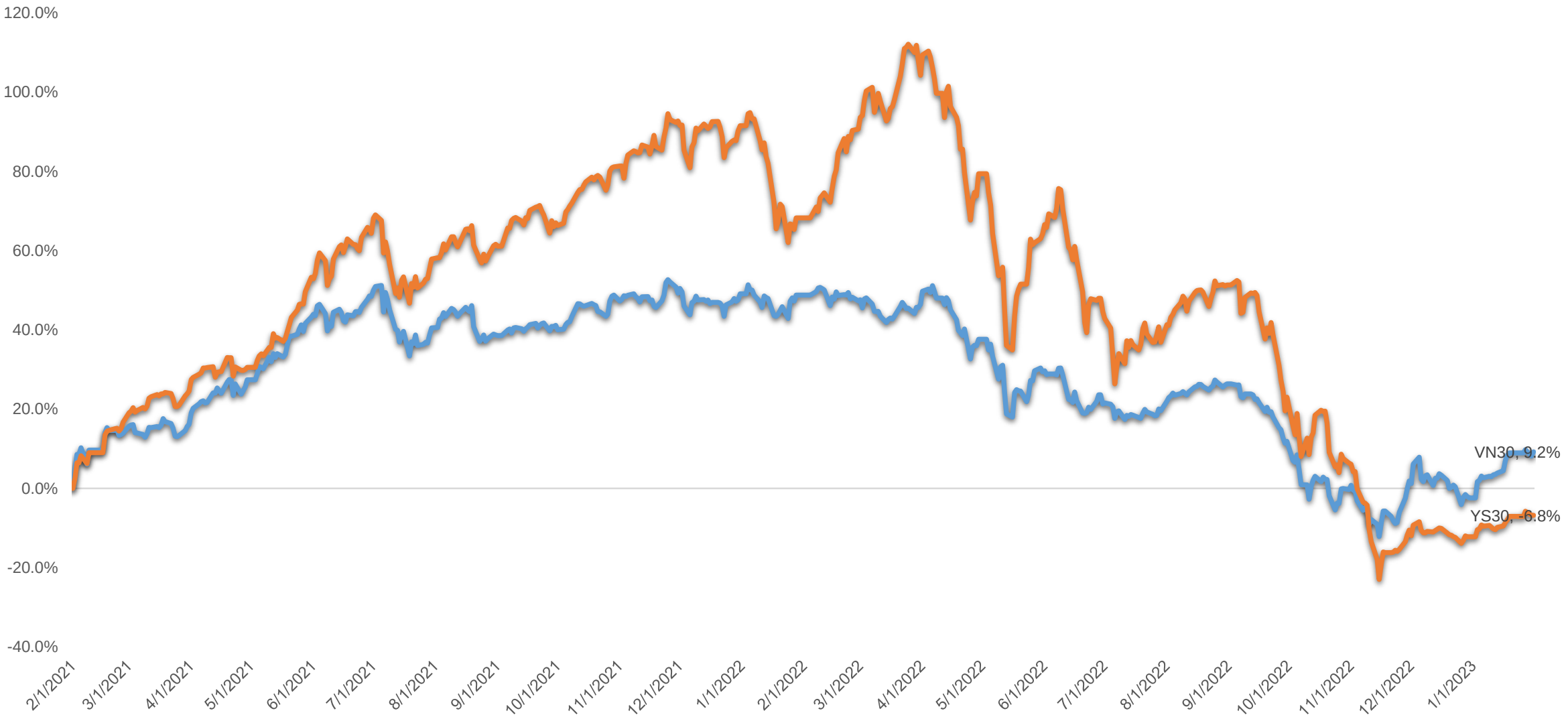

Liên hệ

Phòng Nghiên cứu và Phân tích Khối Khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh **Giám đốc Nghiên cứu Phân tích** +84 28 3622 6868 ext 3826 minh.nguyen@yuanta.com.vn	**Lý Thị Hiền** **Trưởng phòng NC-PT** +84 28 3622 6868 ext 3908 hien.ly@yuanta.com.vn	**Quách Đức Khánh** **Phó Phòng NC-PT** +84 28 3622 6868 ext 3833 khanh.quach@yuanta.com.vn
Khổng Hữu Hiệp **Chuyên viên phân tích cao cấp** +84 28 3622 6868 ext 3912 hiep.khong@yuanta.com.vn	**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng** **Chuyên viên phân tích cao cấp** +84 28 3622 6868 ext 3832 hong.nguyen@yuanta.com.vn	**Phạm Tấn Phát** **Chuyên viên phân tích cao cấp** +84 28 3622 6868 ext 3880 phat.pham@yuanta.com.vn
Ngô Thanh Thảo **Trợ lý phân tích** +84 28 3622 6868 ext 3952 thao.ngo@yuanta.com.vn		